TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/HSST.
Ngày 27- 9-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Triệu Minh Tư
2. Bà Triệu Thị Liên

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy - Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Ông Đặng Quang Huy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 9 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38a/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

- ĐÀM NGỌC C (Tên gọi khác: Không); sinh Ngày 17 tháng 11 năm 1996 tại tỉnh Hà Giang; đăng ký HKTT: Tổ 8, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đàm Ngọc Q và bà Đỗ Thị B; vợ, con: chưa có; tiền án: Không; tiền sự: có 01 tiền sự ngày 21/01/2020 bị Công an phường Q, TP Hà Giang xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 200.000đ về hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm người khác; nhân thân: có 01 tiền sự ngày 30/01/2017 bị Công an phường T, TP H xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 200.000đ về hành vi gây mất trật tự tại khu dân cư; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/5/2021 đến ngày 15/6/2021được áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh, có mặt.

Những người tham gia tố tụng:

- Bị hại: Ông Lê Văn N; nghề nghiệp: Kinh doanh; địa chỉ: SN 379, tổ 11, phường T, TP H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Văn N; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: SN 379, tổ 11, phường T, TP H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị N; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: SN 379, tổ 11, phường T, TP H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

3. Anh Bùi Anh T; nghề nghiệp: Loa động tự do; địa chỉ: Tổ 07, TT V, huyện B, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông Đàm Ngọc Q, bà Đỗ Thị B có mặt; anh Đỗ Việt H, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 7/2020 bị cáo Đàm Ngọc Cđã vào mạng xã hội thuê người làm giả Chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 23C-047.91 mang tên Đàm Ngọc C với giá 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*), mục đích làm giấy đăng ký giả để cầm cố lấy tiền sử dụng chi tiêu cá nhân. Đến ngày 25/7/2020 bị cáo C mang giấy đăng ký xe ô tô giả đến cầm cố cho ông Lê Văn N (*Chủ hiệu cầm đồ N, tổ 11, phường T, thành phố H*) chiếm đoạt số tiền 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*), và bị cáo đã dùng toàn bộ số tiền này tiêu xài cá nhân hết.

Tại phiên tòa bị cáo C khai: Ngày 11/9/2018 ông Đàm Ngọc Q và bà Đỗ Thị B (bố mẹ đẻ bị cáo) mua 01 (*Một*) xe ô tô nhãn hiệu Huyndai-New, loại xe tải thùng 1,4 tấn, toàn bộ giấy tờ và đăng ký đứng tên bị cáo, được cấp biển số 23C-047.51. Sau khi mua xe, gia đình giao cho bị cáo là lái xe phục vụ chở hàng hóa kinh doanh của gia đình. Giấy đăng ký xe ô tô bản gốc do ông Q và bà B cất giữ.

Vào tháng 4 năm 2020 (*Không xác định được ngày cụ thể*) do cần tiền chi tiêu cá nhân, bị cáo đã vay của anh Bùi Anh T với số tiền 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*) không tính lãi suất, số tiền này bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết. Cùng thời gian này, bị cáo sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone-X, vào mạng Internet để tìm người nhận làm giả giấy tờ xe ô tô trên mạng. Khi có thông tin và số điện thoại liên hệ của người làm giấy tờ giả (*Hiện không xác định được nhân thân, lai lịch và số điện thoại*), bị cáo kết bạn qua ứng dụng Zalo để nhắn tin, thuê người này làm giả 01 (*Một*) giấy đăng ký xe theo mẫu ảnh chụp đăng ký xe ô tô, biển kiểm soát 23C-047.91 do bị cáo cung cấp với giá 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Sau khi nhận

được giấy đăng ký giả, bị cáo đã dùng giấy đăng ký xe giả đánh tráo lấy giấy đăng ký xe ô tô thật do bà B giữ mang đi sử dụng còn để lại giấy đăng ký xe giả lại (việc này bà B ông Q không biết).

Khoảng giữa tháng 6/2020 (*không xác định được ngày cụ thể*) bị cáo tiếp tục hỏi anh T cho vay thêm tiền. Nhưng T không đồng ý và nói bị cáo bán xe ô tô thì T mua. Bị cáo nhất trí bán xe ô tô biển kiểm soát 23C-047.91 cho anh T. Hai bên thỏa thuận giá mua, bán xe là 320.000.000đ (*Ba trăm hai mươi triệu đồng*). Đến 14 giờ ngày 30/6/2020 anh T và bị cáo đến Văn phòng Công chứng H, thuộc tổ 07, phường N, thành phố H để làm thủ tục mua, bán xe. Giá mua bán xe ô tô nêu trong hợp đồng là 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*), chênh lệch so với thỏa thuận là 280.000.000đ (*Hai trăm tám mươi triệu đồng*) nhằm tránh nộp nhiều tiền thuế thu nhập của bên bán. Sau khi ký hợp đồng xong bị cáo và T ra xe ô tô nhận nốt số tiền bán xe, bị cáo giao cho T cầm giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (*Bản gốc*). Do bị cáo còn nợ của T 120.000.000đ nên T thống nhất đưa cho bị cáo số tiền 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) là đủ tiền mua xe. Bị cáo nhận tiền và viết 01 (*Một*) giấy biên nhận số tiền 320.000.000đ (*Ba trăm hai mươi triệu đồng*) đưa cho Tgiữ và xin mượn lại xe ô tô (*Không mượn lại đăng ký xe ô tô gốc*) để tiếp tục chở hàng cho gia đình trong thời hạn một tháng, anh T nhất trí. Bị cáo điều khiển xe ô tô, biển kiểm soát 23C-047.91 về gia đình quản lý, sử dụng không nói cho ông Q, bà B biết sự việc. Toàn bộ số tiền bán xe, bị cáo đã chi tiêu hết, không mua sắm được đồ vật, tài sản gì.

Đến khoảng giữa tháng 7 năm 2020 (*Không xác định được ngày cụ thể*) do cần tiền bị cáo tiếp tục thuê người làm giả 01 (*Một*) giấy đăng ký xe ô tô, biển kiểm soát 23C-047.91 để mang đi cầm cố lấy tiền chi tiêu, phục vụ nhu cầu cá nhân, hình thức tìm người làm giả giấy tờ như lần thứ nhất với giá 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) và hẹn khoảng 03 đến 04 ngày thì có kết quả. Khi nhận được bưu phẩm bị cáo trả số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) cho nhân viên thu hộ (không biết tên nhân viên giao hàng), lấy được giấy đăng ký giả bị cáo theo người để sử dụng, không nói cho ai biết sự việc.

Sáng ngày 25/7/2020, bị cáo gặp anh Đỗ Việt H tại khu vực đường 3-2, thuộc tổ 08, phường Q, thành phố H, bị cáo hỏi H biết chỗ nào cho vay tiền, H giới thiệu anh N (*Thường trú: Tổ 11, phường T, thành phố H*) và cho số điện thoại 0335595040 của N để bị cáo tự liên hệ. Bị cáo gọi điện cho N, giới thiệu là bạn với H muốn hỏi vay tiền, N hẹn bị cáo đến nhà nói chuyện. Khoảng 11 giờ cùng ngày, bị cáo một mình điều khiển xe ô tô, biển kiểm soát 23C-047.91 đến gặp N đang ở nhà cùng ông Lê Văn N (*Chủ hiệu cầm đồ N, Là bố đẻ của N*) và bà Nguyễn Thị N(*Là mẹ đẻ của N*) và chị Trần Thị Y (*Là vợ của N*). Bị cáo đặt vấn đề muốn cầm cố giấy tờ và xe ô tô biển kiểm soát 23C-047.91 để vay số tiền 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*) và đưa cho Nam các giấy tờ liên quan đến chiếc xe, gồm: 01 (*Một*) giấy đăng ký xe 23C-047.91 (*Giấy giả*); 01 (*Một*) chứng minh nhân dân số 073497144, do Công an tỉnh Hà

Giang cấp ngày 16/9/2014. (*Bản gốc*); 01 (*Một*) giấy chứng nhận kiểm định số 3694535, do Trung tâm đăng kiểm Hà Giang cấp ngày 08/9/2019. (*Bản gốc*); 01 (*Một*) giấy bảo hiểm dân sự (*C không nhớ số, ngày tháng cấp*). (*Bản gốc*)

Anh N kiểm tra giấy tờ bị cáo đưa cho, không nghi ngờ gì nên đưa cho ông Ni. Ông N xem giấy tờ và kiểm tra, đối chiếu với chiếc xe ô tô 23C-047.91 đỗ trước cửa thấy trùng khớp nên đồng ý cho vay tiền. N lấy Hợp đồng cầm cố tài sản theo mẫu cho bị cáo viết, sau đó bị cáo xin mượn lại chiếc xe ô tô để tiếp tục chở hàng cho gia đình, chỉ cầm cố giấy tờ, ông N và N nhất trí. Ông N lấy số tiền 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*) gồm nhiều mệnh giá đưa cho N làm việc với bị cáo. Bị cáo tự viết Hợp đồng với thời hạn vay là 60 ngày, nội dung cầm cố xe ô tô và giấy đăng ký xe, mượn lại xe để phục vụ gia đình rồi ký tên xác nhận "Bên B" (*Bên vay tiền*) đưa cho Nam rồi cầm tiền ra xe, điều khiển xe về nhà không nói cho ai biết sự việc. Khoảng đầu tháng 8/2020 (*Không xác định được ngày cụ thể*) bị cáo một mình đến gặp Nam xin mượn giấy chứng minh nhân dân, sổ kiểm định và bảo hiểm để mang theo xe khi chở hàng, lưu thông trên đường, thấy bị cáo nói vậy anh Nam và ông Ninh nhất trí giao lại các giấy tờ cho bị cáo, chỉ giữ lại đăng ký xe ô tô số 010197, hai bên không viết giấy tờ gì. Sau đó ông N có đòi tiền bị cáo nhiều lần nhưng bị cáo không có khả năng để trả được nợ nên ông N đã tố cáo hành vi của bị cáo đến Công an thành phố H.

Tại bản Kết luận giám định số: 203/KL-PC09 ngày 04/5/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang, kết luận: giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Đàm Ngọc C (*Do ông Ninh giao nộp*), ký hiệu A là giả.

Tại bản Kết luận giám định số: 261/KL-PC09 ngày 16/6/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang, kết luận: chữ ký, chữ viết đứng tên Đàm Ngọc Cường dưới mục "**BÊN B**" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ viết, chữ ký đứng tên Đàm Ngọc Cường trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 do cùng một người viết ra.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 49/KL-HĐĐGTS ngày 21/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Hà Giang kết luận giá trị xe ô tô biển kiểm soát 23C-047.91 là 260.000.000đ (*Hai trăm sáu mươi triệu đồng*).

* Vật chứng vụ án:

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ và được lưu trong hồ sơ vụ án bao gồm:

- 01 (*Một*) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 010196; (*Một*) Hợp đồng cầm cố tài sản ngày 25/7/2020. Các giấy tờ trên do ông Lê Văn N giao nộp.

- 01 (*Một*) xe ô tô tải, nhãn hiệu Huyndai-New, loại 1,4 tấn, màu sơn Xanh, số khung RLUZDX7KAJN000891, số máy J472887D4CB biển kiểm soát 23C-047.91 đã qua sử dụng. Phương tiện do bà Đỗ Thị B giao nộp.

Xử lý vật chứng: Căn cứ Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 12/QĐ-CQĐT ngày 06/7/2021 của Cơ quan điều tra đã tiến hành trao trả cho anh Bùi Anh T 01 (*Một*) xe ô tô Huyndai-New, loại 1,4 tấn, màu sơn Xanh, số khung RLUZDX7KAJN000891, số máy J472887D4CB, biển kiểm soát 23C-047.91, xe đã qua sử dụng.

Vật chứng được lưu theo hồ sơ vụ án gồm: 01 (*Một*) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 010196 (*Giấy giả*); (*Một*) Hợp đồng cầm cố tài sản ngày 25/7/2020 (*Bản gốc*).

Bản cáo trạng số 36/CT-VKSTPHG ngày 01/9/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo Đàm Ngọc Cường về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo Đàm Ngọc C đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan CSĐT, biên bản thu giữ vật chứng, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với tài liệu chứng cứ chứng minh do cơ quan CS ĐT thu thập được về thời gian, địa điểm, hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang sau phần xét hỏi và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Đàm Ngọc C về tội danh, điều luật như nội dung cáo trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Bị cáo Đàm Ngọc C phạm tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51- Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Đàm Ngọc C từ 02 năm đến 03 năm tù.

- Xử lý vật chứng: Xử lý theo quy định của pháp luật.

- Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có việc làm ổn định.

- Án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Bị cáo thực hiện quyền nói lời sau cùng trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo biết hành vi của bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật, bị cáo bị truy tố, xét xử là đúng, bị cáo rất hối hận và ăn năn về hành vi vi phạm của mình. Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, hưởng khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều được thực hiện trình tự, thủ tục theo đúng quy định của pháp luật, không có khiếu nại, tố cáo. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Tại phiên tòa bị cáo Đàm Ngọc C đã khai báo và thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan CSĐT, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với toàn bộ tài liệu chứng cứ khác lưu trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào tháng 7 năm 2020, do cần tiền tiêu xài, bị cáo Đàm Ngọc C đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của người khác thông qua hình thức dùng giấy tờ sở hữu giả để mang đi cầm cố vay tài sản. Bị cáo C đã dùng giấy đăng ký xe ô tô giả đến hiệu cầm đồ của ông N để cầm cố vay số tiền 80.000.000đ. Do không biết giấy đăng ký xe ô tô của bị cáo C là giấy giả nên ông N đã cho bị cáo C vay số tiền 80.000.000đ, bị cáo sử dụng toàn bộ số tiền vào chi tiêu cá nhân hết. Sau đó ông N đã nhiều lần yêu cầu bị cáo trả nợ nhưng bị cáo không trả. Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo Đàm Ngọc C đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo là đúng người đúng tội theo quy định của pháp luật.

[3]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi và hoàn toàn nhận thức được việc cố ý thực hiện hành vi gian dối, sử dụng giấy tờ giả lừa dối người khác nhằm mục đích để chiếm đoạt tài sản của họ. Hành vi đó của bị cáo là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích tư lợi mà bị cáo đã bất chấp pháp luật cố ý phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo còn xâm phạm đến trật tự trị an trên địa bàn thành phố H, gây nên sự bất bình trong nhân dân. Vì thế cần phải áp dụng hình phát nghiêm minh cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để giáo dục bị cáo và có tác dụng phòng ngừa tội phạm chung.

[3]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ là tình tiết thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, đã bồi thường khắc phục hậu quả, nên cần áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, ngoài ra bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy, áp dụng khoản 2 Điều 51- BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định "Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 10.000.000,đ đến 100.000.000,đ"…., do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa bị cáo là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Đối với Đỗ Việt H giới thiệu số điện thoại của Lê Duy N cho C hỏi vay tiền, H không biết việc C sử dụng giấy đăng ký xe giả để cầm cố vay tiền, chiếm đoạt tài sản. H không liên quan gì đến hành vi phạm tội của C. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm của anh H.

[7]. Ông Đàm Ngọc Q và bà Đỗ Thị B không biết việc C thuê người làm giả 02 (*Hai*) giấy đăng ký xe. Không biết C sử dụng giấy giả thứ nhất để đổi lấy giấy gốc và dùng giấy giả thứ hai để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Giấy giả do C tráo, đổi, bà B đã giao, nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H để xử lý theo quy định.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo và bị cáo đã bồi thường, khắc phục toàn bộ giá trị số tài sản bị cáo đã chiếm đoạt cho bị hại, bị hại không có yêu cầu gì khác. Do vậy, không giải quyết.

[9]. Đối với giấy chứng nhận đăng ký xe giả bị cáo C thuê làm vào tháng 4/2020, sau đó bị cáo đã đánh tráo giấy đăng ký xe ô tô giả cho ông Q, bà B, chưa được đem ra sử dụng do đó không cấu thành tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 341 Bộ luật hành sự. Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý và giấy chứng nhận đăng ký xe giả này đã được giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H giải quyết trong vụ việc khác, nên không tiến hành thu thập trong vụ án này. Xét việc xử lý của cơ quan CSĐT là phù hợp nên chấp nhận.

[10]. Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone -X, lắp sim số thuê bao là 0369068336 mà bị cáo C dùng để thuê người làm giấy chứng nhận đăng ký xe giả, C khai đã bị mất vào cuối năm 2020, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không có kết quả nên tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[11]. Đối với việc công chứng hợp đồng mua bán xe ô tô với giá 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*), chênh lệch so với thỏa thuận là 280.000.000đ (*Hai trăm tám mươi triệu đồng*) nhằm tránh nộp nhiều tiền thuế thu nhập của bên bán, Cơ quan điều tra sẽ kiến nghị cơ quan thuế truy thu tiền thuế mua bán xe theo quy định.

[12]. Các đối tượng nhận làm giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả cho bị cáo, hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch của các đối tượng này, Cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra, làm rõ, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

[13]. Về xử lý vật chứng: 01 (*Một*) xe ô tô tải, nhãn hiệu Huyndai-New, loại 1,4 tấn, màu sơn Xanh, số khung RLUZDX7KAJN000891, số máy J472887D4CB biển kiểm soát 23C-047.91 đã qua sử dụng. Xác định được xe đã được chuyển nhượng hợp pháp cho anh Bùi Ngọc T nên cơ quan CSĐT đã trả lại xe ô tô cho anh T, anh T đã nhận tài sản và không có đề nghị gì. Xét việc trả tài sản cho chủ sở hữu của Cơ quan CSĐT là phù hợp đúng luật nên chấp nhận.

[14]. 01 (*Một*) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 010196 (*Giấy giả*); (*Một*) Hợp đồng cầm cố tài sản ngày 25/7/2020 (*Bản gốc*) là tài liệu chứng cứ của vụ án nên tịch thu lưu theo hồ sơ vụ án.

[12]. Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51- Bộ Luật hình sự; Điều 47 - Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; áp dụng khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Tuyên bố: Bị cáo Đàm Ngọc C phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Xử phạt: Bị cáo Đàm Ngọc C 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù, được khấu trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 27/5/2021 đến ngày 15/6/2021.

- Xử lý vật chứng: Tịch thu 01 (*Một*) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 010196 (*Giấy giả*); (*Một*) Hợp đồng cầm cố tài sản ngày 25/7/2020 (*Bản gốc*) đã lưu theo hồ sơ vụ án.

- Án phí: Buộc bị cáo Đàm Ngọc C phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án , quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a,7b và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh HG;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Viện kiểm sát TP. H;
- Công an TP.H;
- Nhà tạm giữ - Công an TP.H;
- CQ thi hành án hình sự;
-CC THA Dân sự TP H;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-BP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Bình